

Bản án: 904/2017/KDTM-PT
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Hà Thanh Thủy**
Ông **Ngô Thanh Nhân**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Ái**, kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 9 và ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 45/2017/KDTM-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2017/QĐXX-PT ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P
Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S)
Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của S: Công ty TNHH MTV T.
Đại diện hợp pháp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Theo Hợp đồng ủy quyền số 23361/UQ.VAMC2-S ngày 14/12/2015).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức K, trú tại: 652/20 Quốc lộ B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 314/2016/GUQ-PL&TT ngày 28/7/2016).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C
Địa chỉ trụ sở chính: 8B6 đường G, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Trung H, trú tại 810 khu phố 5, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/8/2017).

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đăng L – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư L, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH MTV T

Địa chỉ trụ sở chính: 22 đường V, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Phạm Đức K, trú tại: 652/20 Quốc lộ B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 113/VAMC-UQ ngày 25/7/2016).

(Có mặt)

3.2. Bà Vũ Thị D, sinh năm: 1944

3.3. Ông Cao Đức P, sinh năm: 1967

3.4. Bà Cao Thị Thu H1, sinh năm: 1980

3.5. Ông Cao Đức Q, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: 35 Nguyễn Văn D, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3.6. Bà Cao Thị N, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị N: Ông Hồ Trung H, sinh năm: 1965, trú tại 810, khu phố A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm công chứng số 003844.2017/UQ, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2017).

(Có mặt)

3.7. Ông Nguyễn Trung Đ

3.8. Cháu Nguyễn Trung H2, sinh năm: 2000

3.9. Cháu Nguyễn Đình T1, sinh năm: 2008

3.10. Cháu Nguyễn Đình Đ1, sinh năm: 2014

Bà Cao Thị N và ông Nguyễn Trung Đ là đại diện theo pháp luật của các cháu Hậu, Tấn, Đức.

Cùng địa chỉ: 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đ vắng mặt)

3.11. Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 332 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận G: Ông Nguyễn Hữu Song, sinh năm: 1973, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 14/UQ ngày 17/4/2017).

(Có đơn xin vắng mặt)

3.12. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất S1

Địa chỉ trụ sở chính: 18 Đường số 35, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Xưởng se sợi 1 – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất S1 số 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Bà Ngô Thị Hồng C1, sinh năm: 1959, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất S1, là đại diện theo pháp luật của công ty.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau :

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2013, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 30/12/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C (Sau đây gọi tắt là công ty C) ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 067/12/2011/HM và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 001-067/12/2011/HM với nội dung như sau:

Ngân hàng cho công ty C vay số tiền 12.850.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 30/12/2011 đến ngày 30/12/2012; Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 1,9%/tháng, lãi suất này sẽ thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Nợ gốc trả trong thời hạn vay và ngày trả vốn cuối cùng là ngày 30/12/2012; Lãi trả hàng tháng và/hoặc hàng quý, ngày bắt đầu trả lãi là ngày 30/01/2011; Phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của công ty C.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7537/2003 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Vũ Thị D và ông Cao Đức C1 ngày 04/7/2003. Địa chỉ nhà số: 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng diện tích sử dụng 451.87m², diện tích xây dựng 451.87m². Đất ở thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 971.93m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/HĐTC.2011 ngày 30/12/2011, do Phòng Công chứng số 7 chứng, số công chứng 25755, quyển số 17/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Gò Vấp, sổ đăng ký số 246, sổ đăng ký 2011-149-VP, số thứ tự ghi sổ 149 ngày 30/12/2011.

Từ ngày vay đến nay, bị đơn không trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc công ty C phải trả số tiền nợ gốc là 12.850.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 22/6/2017 cụ thể như sau: Lãi trong hạn là 13.934.968.333 đồng, lãi quá hạn là 5.606.026.667 đồng, tổng cộng nợ vốn gốc và lãi là 32.390.995.000 đồng. Đồng thời phải trả lãi phát sinh trên vốn gốc từ ngày 23/6/2017 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm bao gồm số tiền bồi thường phần nhà đất thế chấp bị giải tỏa do Ủy ban nhân dân quận G đang quản lý và phần tài sản bảo đảm là nhà đất còn lại sau khi giải tỏa một phần để ngân hàng thu hồi nợ.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Tại bản tự khai không đề ngày, tháng, năm 2013 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn trình bày:

Ngày 17/9/2007, công ty C vay ngân hàng 5.000.000.000 đồng. Sau đó, ngân hàng chuyển nhiều lần từ tiền sang vàng và từ vàng sang tiền nên số vốn gốc vay hai bên ký hợp đồng cuối cùng là 12.850.000.000 đồng.

Nay công ty C chỉ đồng ý trả vốn gốc 5.000.000.000 đồng và tiền lãi trên số vốn gốc 5.000.000.000 đồng vì cho rằng hợp đồng ký ngày 30/12/2011 là hợp đồng giả tạo nên vô hiệu.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV T:

Đề nghị Tòa án chấp nhận tất cả các yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị D:

Tại bản tự khai ngày 05/8/2015, bà Vũ Thị D xác nhận công ty C có vay 5.000.000.000 đồng năm 2007, sau đó ngân hàng chuyển nhiều lần từ tiền sang vàng và từ vàng sang tiền nên số vốn gốc vay hai bên ký hợp đồng cuối cùng là 12.850.000.000 đồng. Do bà N năn nỉ nên bà ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của công ty C. Bà D có ý kiến đề nghị Tòa án xác định số tiền công ty C vay chỉ là 5.000.000.000 đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của ông Hồ Trung H - người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị N:

Bà Cao Thị N có ý kiến đề nghị Tòa án xác định số tiền công ty C vay chỉ là 5.000.000.000 đồng. Trong trường hợp công ty C không trả được nợ thì mới xử lý tài sản bảo đảm.

* Về ý kiến, đề nghị của bà Cao Thị N – đại diện theo pháp luật của các cháu Nguyễn Trung H2, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình Đ1:

Thống nhất với ý kiến của bà Cao Thị N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà: Cao Đức P, Cao Thị Thu H1, Cao Đức Q, Nguyễn Trung Đ (Ông Nguyễn Trung Đ đồng thời là đại diện theo pháp luật của các cháu Nguyễn Trung H2, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình Đ1) không đến tòa, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ủy ban nhân dân quận G sẽ chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và tiền lãi phát sinh theo Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực của Tòa án.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất S1:

Công ty sẽ chấp hành các phán quyết của Tòa án, không có yêu cầu độc lập nào yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ kiện này.

Tại Bản án sơ thẩm số 45/2017/KDTM-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi là Ngân

hàng Thương mại Cổ phần S) số tiền vốn gốc là 12.850.000.000 (Mười hai tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 19.537.568.326 (Mười chín tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng, tổng cộng là 32.387.568.326 (Ba mươi hai tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng;

Kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng nên lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Bác yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đòi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C trả đối với số tiền 3.426.674 (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi bốn) đồng.

2. Ngay sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C trả hết nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có nghĩa vụ hoàn trả cho các ông bà: Vũ Thị D, Cao Thị N, Cao Đức P, Cao Thị Thu H1, Cao Đức Q bản chính hồ sơ giấy tờ sau:

2.1. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7537/2003 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 04 tháng 7 năm 2003;

2.2. Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 05 tháng 8 năm 2003.

3. Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ tiền đền bù 104.374.000 (Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng và tiền lãi phát sinh do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải tỏa một phần nhà đất số 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02 (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7537/2003 cấp cho bà Vũ Thị D và ông Cao Đức C1 ngày 04/7/2003) đang được Ủy ban nhân dân quận G quản lý và phần còn lại sau giải tỏa của nhà đất nói trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/7/2017, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12.

Tại phiên toà Phúc thẩm:

Ông Hồ Trung H đại diện ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty C vay của Ngân hàng P ngày 17/9/2007, thời hạn vay là 03 năm (36 tháng) tức là đến ngày 17/9/2010 là hết hạn vay, thế nhưng ngày 11/4/2009, tức là 19 tháng Ngân hàng P đã buộc công ty C phải ký chuyển đổi số tiền nợ gốc 5 tỷ đồng thành giá trị tương ứng 275,6 lượng vàng SJC.

Ngày 23/6/2010, Ngân hàng P buộc Công ty C ký vay vàng chính thức là 275,6 lượng vàng SJC tương đương 8.364.460.000 đồng.

Ngày 30/12/2011, Ngân hàng P ép Công ty C ký vay nợ tiền là 12.850.000.000 đồng, tổng cộng số tiền hoàn đổi vàng tăng lên là 7.850.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 7537/2003 do Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông Cao Đức C1 và bà Nguyễn Thị D, ngân hàng P từ ngày 17/9/2009 đến nay, thực tế công ty C chỉ trả lãi hàng tháng chưa trả nợ gốc, hằng định số tiền 7.850.000.000 đồng là tiền trượt giá vàng, không phải nợ gốc.

Yêu cầu Tòa án chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của công ty C:

- Yêu cầu xác định cụ thể nợ gốc mà công ty C đã vay của ngân hàng P là: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).
- Bác bỏ số tiền 7.850.000.000 đồng, vì trong đó có tiền nâng khống 3.364.460.000 đồng.
- Xem xét lãi suất theo khung giá cơ bản trong quá trình tố tụng (9%).
- Xem xét thủ tục khai nhận thừa kế đối với di sản của ông Cao Đức C1.
- Đề nghị hủy bỏ bản án số 45/2017/KDTM-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bổ sung các ý kiến của người đại diện ủy quyền của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xem xét tính hợp lý của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản năm 2011. Công ty C là một công ty nhỏ, vốn điều lệ khoảng 500 triệu đồng mà Ngân hàng lại đồng ý cho vay số tiền 12,6 tỉ đồng. Ngoài ra đề nghị xem xét lại tư cách nguyên đơn của ngân hàng P vì trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm Ngân hàng P đã bán nợ cho Công ty TNHH MTV T.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP HCM phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Theo Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

Đơn kháng cáo của các đương sự còn trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D, ông Cao Đức P, bà Cao Thị Thu H1, ông Cao Đức Q, ông Nguyễn Trung Đ, cháu Nguyễn Trung H2, cháu Nguyễn Đình T1, cháu Nguyễn Đình Đ1, Ủy ban nhân dân quận G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH sản xuất S1 có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét kháng cáo của bị đơn cùng lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Ngân hàng P không còn tư cách là nguyên đơn trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 14/12/2015, VAMC và Ngân hàng P, nay là ngân hàng TMCP S (S) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 23360/2015/MBN.VAMC2-S, mua khoản nợ của khách hàng vay là Công ty C tại S. Hai bên đã ký hợp đồng ủy quyền số 23361/UQ.VAMC2-S ngày 14/12/2015, ủy quyền cho S đại diện cho VAMC thực hiện quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn tại Tòa án trong vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng hạn mức số 067/12/2011/HM ngày 30/12/2011. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: “Trường hợp tổ chức được chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về dân sự thì tổ chức đó được kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng”, sau khi ký Hợp đồng mua bán nợ số 23360/2015/MBN.VAMC2-S ngày 14/12/2015, VAMC sẽ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ tố tụng của S, trở thành nguyên đơn trong vụ án tranh chấp này. Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013: VAMC được “Khởi kiện hoặc ủy quyền hoặc chuyển giao cho tổ chức tín dụng bán nợ khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm cho Tòa án”, sau khi ký Hợp đồng ủy quyền số 23361/UQ.VAMC2-S ngày 14/12/2015, S sẽ đại diện cho VAMC, tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án và thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp này. Do đó kháng cáo của bị đơn cũng như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Ngân hàng P(nay là S) không có tư cách nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C cho rằng: Ngày 17/9/2007 công ty C ký hợp đồng vay vốn kinh doanh với ngân hàng P– CN Chợ Lớn với số tiền vay 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 17/9/2007 đến ngày 17/9/2010. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ngày 11/4/2009, Ngân hàng P bắt buộc công ty C ký hợp đồng vay từ vàng 275,6 lượng vàng SJC sang tiền 8.364.460.000 đồng. Đến ngày 30/12/2011, Ngân hàng P tiếp tục ép công ty C ký lại hợp đồng vay từ vàng sang tiền 12.850.000.000 đồng. Sau 04 lần ký lại hợp đồng Ngân hàng P đã đẩy số tiền mà công ty C vay từ 5 tỷ lên 12.850.000.000 đồng, nhưng trên thực tế công ty C chỉ nhận 5 tỷ đồng. Công ty C đồng ý trả lại đúng số tiền 5 tỷ đồng mà Cao Nga đã thực nhận vay của Ngân hàng P. Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2007 công ty C và Ngân hàng P có ký hợp đồng tín dụng như công ty C trình bày. Tuy nhiên, căn cứ vào những tài liệu chứng cứ mà công ty C nộp cho Tòa án như: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, Giấy đề nghị sử dụng hạn mức tín dụng, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, phiếu giải ngân tiền, giải ngân vàng đều có chữ ký của các bên, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh công ty C bị ép buộc ký các hợp đồng nói trên.

Hơn nữa, theo nội dung trang bổ sung trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7537/2003 do Ủy ban nhân dân quận G ký ngày 04/7/2003 cho ông Cao Đức C1 và bà Vũ Thị D, thì hợp đồng tín dụng ký năm 2007 đã được

đăng ký xóa thế chấp, như vậy nghĩa là hai bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình. Sau đó hai bên tiếp tục ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản mới vào năm 2011 như nguyên đơn đã trình bày. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết vào ngày 30/12/2011 do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng này, không liên quan đến hợp đồng tín dụng năm 2007. Như vậy, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu xác định số là nợ gốc 5.000.000.000 đồng không có cơ sở để chấp nhận.

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lãi suất theo khung giá cơ bản trong quá trình tố tụng (9%), Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về lãi suất trong hạn và quá hạn, bị đơn không trả nợ vốn vay và lãi phát sinh theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ, nên yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở. Xem xét mức lãi suất mà ngân hàng đã áp dụng phù hợp thỏa thuận trong hợp đồng và qui định của pháp luật. Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Xét kháng cáo đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 94/1055A2 (số mới là 37) Nguyễn Văn D, Phường B, quận G, TPHCM thuộc quyền sở hữu của ông Cao Đức C1 (đã chết năm 2013) và bà Vũ Thị D, thế chấp theo Hợp đồng công chứng số 25755 tại Phòng Công chứng Quận B, TPHCM, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký sử dụng đất quận G cùng ngày 30/12/2011, với diện tích đất 971,93 m², diện tích sàn xây dựng 451,87m². Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp nêu trên đã thực hiện đúng theo Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thế chấp tài sản và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-07-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và nội dung thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ y phần này của bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Phương Nam là chưa chính xác. Từ ngày 14/12/2015, giữa VAMC và Ngân hàng Pđã ký hợp đồng mua bán khoản nợ của khách hàng vay là công ty C. Do đó tại bản án cần phải tuyên buộc bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn là Công ty TNHH MTV T, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần quyết định này của bản án sơ thẩm cho chính xác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào khoản 3, Điều 9, Chương I của Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng ban hành kèm Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

Tuyên xử: Y án sơ thẩm:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền vốn gốc là 12.850.000.000 (Mười hai tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 19.537.568.326 (Mười chín tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng, tổng cộng là 32.387.568.326 (Ba mươi hai tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng;

Kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng nên lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH MTV T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Bác yêu cầu của Công ty TNHH MTV T đòi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C trả đối với số tiền 3.426.674 (Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi bốn) đồng.

2. Ngay sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C trả hết nợ, Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ hoàn trả cho các ông bà : Vũ Thị D, Cao Thị N, Cao Đức P, Cao Thị Thu H1, Cao Đức Q bản chính hồ sơ giấy tờ sau:

2.1. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7537/2003 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 04 tháng 7 năm 2003;

2.2. Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 05 tháng 8 năm 2003.

3. Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV T có quyền có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ tiền đền bù 104.374.000 (Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng và tiền lãi phát sinh do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải tỏa một phần nhà đất số 94/1055A2 Nguyễn Văn D, Phường B (Số mới là 37 Nguyễn Văn D, Phường S), quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02 (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 7537/2003 cấp cho bà Vũ Thị D và ông Cao Đức C1 ngày 04/7/2003) đang được Ủy ban nhân dân quận G quản lý và phần còn lại sau giải tỏa của nhà đất nói trên để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải chịu án phí là 140.387.568 (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi tám) đồng;

4.2. Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Cán trừ với tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp, hoàn trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền 61.978.347 (Sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2012/00907 ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được cán trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024844 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 12
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Biện Thị Hoa